

Bản án số: **194/2022/HS-ST**

Ngày: 22/11/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn V

2. Ông Phạm Tiến Đạt (Bí thư Đoàn thanh niên)

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 190/2022/TLST-HSST ngày 27 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2022/QĐXXST-HS ngày 08/11/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần N D, Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 2001; Giới tính: Nam; HKTT: Thôn P, xã M, huyện S, Hà Nội; Chỗ ở: không nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Họ tên cha: Trần Văn G (SN: 1976); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị V (SN: 1981); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: không.

Danh chỉ bản số 221 do Công an huyện T lập ngày 06/5/2022

Bị can đầu thú và bị bắt tạm giam từ ngày 05/05/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện T, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn C, Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1997; Giới tính: Nam; HKTT: Thôn P, xã T, huyện P, Hà Nội; Chỗ ở: không nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn V (SN: 1970); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị H (SN: 1970); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Họ tên vợ: Trương Thị T (SN: 2002); Có 01 con sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: không.

Danh chỉ bản số 220 do Công an huyện T lập ngày 06/5/2022

Bị can đầu thú và bị bắt tạm giam từ ngày 05/05/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số II - Công an thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Trọng Q, Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 08/05/2004 (tính đến thời điểm phạm tội, bị cáo được 16 năm 08 tháng 19 ngày tuổi); Giới tính: Nam; HKTT: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Q; Chỗ ở: không nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn X (SN: 1975); Họ tên mẹ: Bùi Thị H (SN: 1983); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không.

Danh chỉ bản số 389 do Công an huyện T lập ngày 18/8/2022

Bị can đầu thú và bị bắt truy nã, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/08/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số II - Công an thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Lưu Phi L, Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1992; Giới tính: Nam; HKTT: Thôn B, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Chỗ ở: Thôn 1, xã Đ, huyện T, Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Họ tên cha: Lưu Xuân T (SN: 1971); Họ tên mẹ: Đàm Thị H (SN: 1972); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: không.

Danh chỉ bản số 216 do Công an huyện T lập ngày 29/4/2022

Hiện bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

** Đối với hành vi cố ý gây thương tích của D,C,Q:*

Bị hại: Lưu Phi L (có mặt)

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn G, sinh năm 1976 (có mặt)

HKTT: Thôn P, xã M, huyện S, Hà Nội

** Đối với hành vi gây rối trật tự công cộng của L:*

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/05/2003 (vắng mặt)

HKTT: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình

2. Anh Nguyễn Việt H sinh năm 1993 (vắng mặt)

HKTT: Thôn 5, xã Đ, huyện T, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần NAM D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Trọng Q và Nguyễn Minh T (SN: 2002; HKTT: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Q) là nhân viên làm thay cho anh Phan Văn U (hiện chưa xác định được nhân thân), công việc hàng ngày là đưa đón nữ nhân viên đến phục vụ tại các cửa hàng Karaoke trên địa bàn huyện T khi có khách yêu cầu. Các đối tượng cùng ở trọ tại Đội 7, xã N, huyện T, Hà Nội.

Khoảng 03 giờ ngày 27/01/2021, Lưu Phi L và bạn Nguyễn Việt H (SN: 1993; HKTT: Thôn 5, xã Đ, huyện T, Hà Nội) cùng 02 người bạn nữ (mới quen qua mạng xã hội, hiện chưa xác định được nhân thân) đến hát tại quán Karaoke T ở thôn 1, xã Đ, huyện T, Hà Nội do chị Đỗ Kim C (SN: 1989, HKTT: thôn 1, xã Đ, huyện T, Hà Nội) làm chủ. L yêu cầu nhân viên phục vụ là anh Nguyễn Văn H (SN: 1997; HKTT: xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang) gọi một nhân viên nữ vào phòng để rót bia và hát cùng nhóm của L. Anh H gọi điện thoại cho Trần NAM D yêu cầu đưa 01 nữ nhân viên phục vụ đến quán sau đó D bảo Nguyễn Văn C chở chị La Thị Thùy L (SN: 1999; HKTT: Xã D, huyện H, tỉnh Thái Bình) đến quán T theo yêu cầu. Khi chị L vào phòng, L không hài lòng và yêu cầu anh H đổi nữ nhân viên khác. Anh H tiếp tục gọi cho D và nói khách yêu cầu thay nhân viên nữ khác nên D bảo C đưa chị Nguyễn Thị N (SN: 19/05/2003; HKTT: Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình) đến quán T và đưa chị Linh về. Quá trình phục vụ, do không hài lòng với chị N nên L đã dùng tay phải tát 02 cái khiến gò má trái của chị N bị sưng, bầm tím. Bị đánh đau, chị N chạy ra khu vực quầy lễ tân gọi điện cho C nói việc bị khách đánh và bảo C đến đón về. Cùng lúc này, L đi ra khu vực quầy lễ tân chửi bới chị N. Nhận được tin chị N bị khách đánh, D bảo C, Q, T và H (là người làm cùng với nhóm của D, hiện chưa xác định được nhân thân) đi 02 xe máy đến quán karaoke T để tìm hiểu nội dung sự việc và đón chị N về.

Khi biết nhóm của D đến, L đi ra cửa quán T sau đó giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn, chửi bới, xô xát với nhau. Thấy L dùng tay phải tát 01 cái vào gò má bên trái của C nên D, Q, T và C lao vào dùng tay chân không đánh L. L cũng dùng tay chân không đánh lại nhóm D, Q, T và C. Do bị L đánh vào người nên Nam D nhặt 01 viên gạch đỏ (kích thước khoảng 6 x 7 x 7 cm) ở dưới đất, cầm gạch bằng tay phải đập 01 cái theo hướng từ trên xuống dưới vào đầu L gây thương tích. T cũng nhặt một mảnh gạch vỡ của chậu cây cảnh dưới đất tại khu vực cửa quán đập vào đầu và người L. Chứng kiến L đánh nhau với nhóm của D, anh H chạy đến can ngăn thì bị đánh trúng vào người nên bỏ chạy ngược vào trong quán. Đánh nhau một lúc thì L bị choáng, ngã gục xuống đất và vẫn bị D, C, Q, T dùng tay chân không dấm, đá vào người. Đến khi chị Đỗ Kim C và anh H can ngăn thì D, C, Q, T, Hoa mới đưa chị N bỏ đi. Anh H đưa L đi cấp cứu tại bệnh viện N I. Ngày 01/02/2021, Lưu Phi L ra viện sau đó đến cơ quan Công an trình báo nội dung sự việc.

Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, Hà Nội đã có công văn số 16/UBND-CA ngày 18/02/2021 đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T xử lý đối với hành vi gây rối trật tự công cộng và các hành vi khác của nhóm đối tượng thanh niên xảy ra ngày 21/01/2021 tại trước cửa quán karaoke T ở thôn 1, xã Đ, huyện T, Hà Nội.

Ngày 28/04/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với thương tích của Lưu Phi L. Tại bản Kết luận giám định pháp y thương tích số 1109/TTPY ngày 05/11/2021 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế Hà Nội kết luận:

“ Theo Giấy chứng nhận thương tích số 09/GCT-BVĐKNN ngày 09/03/2021 của Bệnh viện đa khoa N:*

- Bệnh nhân vào viện ngày 27/01/202.

- Tại chỗ:

+ Sây sát và sưng nề vùng thái dương phải và gò má phải.

+ Vết thương thái dương phải, đã khâu.

+ Vết thương vùng đỉnh chẩm dài khoảng 3 cm, đã khâu.

+ Đau nhức vai phải và gối phải.

+ Các bộ phận cơ quan khác chưa phát hiện dấu hiệu bất thường.

- Chẩn đoán: Theo dõi chấn thương sọ não, chấn thương hàm mặt, vết thương hàm mặt, da đầu.

- Xử trí: Khâu vết thương cầm máu, truyền dịch, kháng sinh, giảm đau.

** Phân khám giám định:*

- Thương tích:

+ Sẹo vết thương vùng thái dương phải (trên đuôi cung mày phải) kích thước (1,5 x 0,3) cm, phẳng, mềm, hồng, trên diện sây sát biến đổi sắc tố da kích thước 5 cm x (0,2 cm - 1 cm), thâm, phẳng, mềm.

+ Vết biến đổi sắc tố da gò má phải kích thước (2 x 1,5) cm, thâm, phẳng, mềm, ấn không đau.

+ 02 sẹo vết thương vùng đỉnh chẩm trái kích thước (4x0,3) cm và (1,5x0,2) cm, sẹo phẳng, mềm, hồng, ấn không đau.

+ Vết biến đổi sắc tố da vai phải kích thước (3x2) cm, phẳng, thâm, mềm.

Vận động vai phải bình thường.

+ Gối phải không thấy sưng nề bầm tím, vận động gối phải bình thường.

- Cận lâm sàng: Không thấy bất thường.

- Đọc lại phim cắt lớp vi tính sọ não – hàm mặt (bản mềm) của bệnh viện đa khoa Nông Nghiệp chụp ngày 27/01/2021: Tổn thương tăng tỷ trọng vùng trán trái, viêm xoang hàm phải.

** Kết luận tại thời điểm giám định:*

- Sẹo vết thương vùng thái dương phải: 03%.

- Vết biến đổi sắc tố da gò má phải: 1,5 %.

- 02 sẹo vết thương chẩm trái: 03%.

- Vết biến đổi sắc tố da vai phải: 0,5%

- Xuất huyết dưới nhện vùng trán đỉnh trái: 08%

- Chạm thương phần mềm khác: Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019 không có chương mục Q định tỷ lệ tổn hại sức khỏe đối với thương tổn này.

- Nhiều khả năng các chạm thương, thương tích do vật tày, vật tày có cạnh gây nên.

Tỷ lệ tổn hại sức khỏe: 15% (Tính theo phương pháp cộng lùi) ”.

Tại Cơ quan Điều tra, Lưu Phi L khai nhận nội dung vụ việc như đã nêu trên. Do say rượu, không làm chủ được bản thân nên L đã dùng tay tát chị N và đánh nhau với nhóm của D. L đề nghị xử lý hình sự đối với các đối tượng đã gây thương tích cho mình. Về phần dân sự, L yêu cầu Trần Nam D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Trọng Q và Nguyễn Minh T bồi thường số tiền 50.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, do Nguyễn Trọng Q và Nguyễn Minh T bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã ra các quyết định truy nã, quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can, quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Q và T. Ngày 08/05/2004, Nguyễn Trọng Q đến Công an huyện Đ, tỉnh Q đầu thú nên Cơ quan Điều tra đã ra quyết định đình chỉ ngày 15/08/2022 và Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự đối với bị can, quyết định phục hồi điều tra bị can ngày 17/08/2022 đối với Q. Tại Cơ quan Điều tra, Trần Nam D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Trọng Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của D, C, Q và L phù hợp với tài liệu, chứng cứ do Cơ quan Điều tra thu thập được. Quá trình đánh nhau do đông người, hỗn loạn, sự việc xảy ra nhanh nên các đối tượng không nhớ D đã đập viên gạch vào vị trí nào trên đầu L. Sau khi được mọi người can ngăn, D và T đã vứt viên gạch, mảnh gạch vỡ dùng để gây thương tích cho L ở cửa quán. Cơ quan Điều tra đã tiến hành rà soát nh không thu giữ được những hung khí nêu trên. Khi đánh nhau, D, C, Q cũng bị L dùng tay chân không đánh vào người nh do thương tích nhẹ nên các đối tượng từ chối khám thương, từ chối giám định thương tích, không yêu cầu về dân sự.

D, C, Q và L khai không biết tên tuổi, địa chỉ của đối tượng H. Quá trình điều tra xác định Hoa đi cùng với nhóm của D đến quán T nhưng không tham gia vào vụ việc trên nên Cơ quan Điều tra không có cơ sở để xác minh, xử lý đối với Hoa.

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H khai bị thương tích nhẹ nên từ chối khám thương, từ chối giám định thương tích, không yêu cầu về dân sự.

Quá trình điều tra, bố đẻ của Trần N D là ông Trần Văn G tự nguyện bồi thường cho Lưu Phi L số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền trên được ông G giao nộp cho Cơ quan Điều tra, cần tiếp tục tạm giữ để xử lý theo Q định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã công bố. Bị cáo D đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật và ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

L yêu cầu các bị cáo D, C, Q phải bồi thường cho L tổng số tiền 50.000.000 đồng. Do T đang trốn truy nã nên L rút yêu cầu bồi thường đối với T và sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi L có yêu cầu. Các bị cáo D, C, Q đồng ý bồi thường cho L số tiền trên. Bị cáo D đồng ý bồi thường cho L số tiền 30.000.000 đồng do bị cáo gây thương tích cho L nặng hơn hai bị cáo còn lại. Bị cáo C, Q đồng ý bồi

thường cho L mỗi người 10.000.000 đồng.

Người có Quyền, nghĩa vụ liên quan là ông G xác nhận đã thay bị cáo D bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho ông số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm: giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo D, C, Q về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo L về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo D: xử phạt bị cáo D từ 36-42 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo C: xử phạt bị cáo C từ 30-36 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Q: xử phạt bị cáo Q từ 24-30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo L từ 12 - 15 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Về dân sự: Bị cáo D phải bồi thường cho L số tiền 30.000.000 đồng. D đã bồi thường 10.000.000 đồng, còn phải bồi thường cho L 20.000.000 đồng. Bị cáo C, Q đồng ý bồi thường cho L mỗi người 10.000.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, Q định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều H pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện

T đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù H với lời khai của người làm chứng, bản kết luận giám định pháp y thương tích và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 03 giờ ngày 27/01/2021 tại phòng hát bên trong quán karaoke T ở thôn 1, xã Đ, huyện T, Hà Nội, Lưu Phi L dùng tay không tát nhân viên phục vụ là chị Nguyễn Thị N. Sau đó tại khu vực cửa quán T, Lưu Phi L tiếp tục dùng tay chân không đánh nhau với nhóm của Trần Nam D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Minh T, Nguyễn Trọng Q. Quá trình đánh nhau, D dùng 01 viên gạch đỏ (*kích thước khoảng 6 x 7 x 7 cm*), T dùng mảnh gạch vỡ của chậu cây cảnh đánh vào vùng đầu của L gây thương tích với lệ tổn hại sức khỏe là 15%.

Sự việc nêu trên đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã Đ, huyện T, Hà Nội.

Hành vi của các bị cáo Trần Nam D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Trọng Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” Q định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự 2015.

Hành vi của bị cáo Lưu Phi L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” Q định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật hình sự 2015.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng Q định của pháp luật.

[3] Về vai trò của các bị cáo đối với hành vi cố ý gây thương tích: Trong vụ án này có yếu tố đồng phạm trong tội cố ý gây thương tích nên cần phân tích, đánh giá mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để có cơ sở lượng hình cho phù H. Bị cáo D đã dùng viên gạch để đập vào đầu L. Bị cáo dùng tay chân không đánh L. Do đó, D có vai trò cao nhất, C, Q có vai trò ngang nhau, nên D phải chịu mức hình phạt cao hơn hai bị cáo còn lại.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

4.1. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

4.2. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quyết định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo D đã tác động gia đình để bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ Q định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo D, C nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã ra đầu thú; bị cáo D, C, Q có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đây là tình tiết giảm nhẹ Q định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo L phạm tội lần đầu và thuộc trường H ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ Q định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Đối với bị cáo D, C, Q: Hành vi cố ý gây thương tích của các bị cáo D, C, Q là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe của công dân được Q định trong Bộ luật hình sự là hành vi phạm tội, gây mất trật tự trị an trong xã hội và gây bất bình

trong quần chúng nhân dân, nên UBND xã Đ đã đề nghị các cơ quan tố tụng xử lý các bị cáo theo quyết định của pháp luật. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo cũng có một phần lỗi của bị hại để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện với lỗi chủ quan, cố ý, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do vậy, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Đối với bị cáo Q, khi Quyết định hình phạt, vì bị cáo phạm tội khi chưa thành niên nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, 101 Bộ luật hình sự để xem xét hình phạt.

Đối với bị cáo L: Bị cáo có đủ năng lực, nhận thức để biết khu vực bên trong và cửa quán karaoke là nơi công cộng. Hành vi đánh nhau, chửi bới, gây rối của bị cáo gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Tuy nhiên, Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Q định tại khoản 1 Điều 51. Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Q định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[6] Về dân sự:

Tại phiên tòa, L yêu cầu các bị cáo D, C, Q phải bồi thường cho L tổng số tiền 50.000.000 đồng, do T đang trốn truy nã nên L rút yêu cầu bồi thường đối với T và yêu cầu sau. Bị cáo D đồng ý bồi thường cho L số tiền 30.000.000 đồng do bị cáo gây thương tích cho L nặng hơn hai bị cáo còn lại. Bị cáo C, Q đồng ý bồi thường cho L mỗi người 10.000.000 đồng. Bị cáo D đã tác động gia đình để bồi thường cho L số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, D phải bồi thường cho L số tiền 20.000.000 đồng; C, Q mỗi người phải bồi thường cho L số tiền 10.000.000 đồng. L được nhận số tiền 10.000.000 đồng do gia đình D bồi thường nộp tại cơ quan điều tra.

Doanh, C, Q cũng bị L dùng tay chân không đánh vào người nH do thương tích nhẹ nên các đối tượng từ chối khám thương, từ chối giám định thương tích, không yêu cầu về dân sự. Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn H khai bị thương tích nhẹ nên từ chối khám thương, từ chối giám định thương tích, không yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: không có.

[8] Án phí và Quyền kháng cáo:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo D, C, Q phải chịu án phí bồi thường thiệt hại theo quyết định của pháp luật.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có Quyền kháng cáo theo Q định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Nam D, Nguyễn VănC, Nguyễn TrọngQ phạm tội “Cố ý gây thương tích”; bị cáo Lưu Phi L phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

2.

- Áp dụng: Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Trần Nam D 36 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2022.

- Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015, Xử phạt bị cáo Nguyễn VănC 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2022.

- Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015, Xử phạt bị cáo Nguyễn TrọngQ 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 15/8/2022.

- Áp dụng: điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lưu Phi L 10 tháng tù nH cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 20 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục người được hưởng án treo; trong trường H người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theoQ định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thểQuyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về dân sự:

- Bị cáo Trần Nam D phải bồi thường cho Lưu Phi L số tiền 20.000.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn VănC, Nguyễn Trọng Q mỗi người phải bồi thường cho Lưu Phi L số tiền 10.000.000 đồng.

- Bị cáo Lưu Phi L được nhận số tiền 10.000.000 đồng theo ủy nhiệmC số 87 ngày 21/11/2022.

4. Về vật chứng vụ án: Không có.

5. Về án phí vàQuyền kháng cáo: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016Q định về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáoD phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáoC,Q mỗi người phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người cóQuyền, nghĩa vụ liên quan có mặt cóQuyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có Quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có Quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến Quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt H lệ bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN THẮNG

Nơi nhân:

- TANAM D Thành phố Hà Nội;
- VKSNAM D huyện T;
- CA huyện T;
- THADS huyện T;
- Bị cáo; Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN VĂN THẮNG